

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 317, điều 318 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17.6.2010.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 310/2021/TLST.DS ngày 18 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận này.

QUYẾT ĐỊNH

[I]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ trụ sở: phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện pháp luật: ông Lê Hữu Đ, chức vụ: chủ tịch hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ trụ sở: phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn P - tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Thị L, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ công ty MBAMC (theo văn bản ủy quyền số 4356/UQ.MBAMC ngày 06.7.2021).

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: bà Phạm Thị Vũ L, sinh năm 1979 - chuyên viên xử lý nợ công ty MBAMC chi nhánh Tây Nam Bộ; địa chỉ liên

lạc: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền số 433/UQ-MBAMC-TNB ngày 27.9.2021).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Thành N**

sinh năm 1964

2.2. Bà **Trần Thị Kim T**

sinh năm 1967

Nơi cư ngụ: khu vực Q, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

[III]. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị Vũ L đại diện ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q với bị đơn ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T thống nhất: Hiện nay ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo hợp đồng tín dụng số 947251.19.454.4002892.TD ngày 25.10.2019 với tổng số tiền 603.536.430 đồng. Trong đó: nợ gốc 471.426.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.086.117 đồng, nợ lãi quá hạn 37.774.690 đồng, phạt chậm trả lãi 4.142.820 đồng, nợ thẻ tín dụng 87.106.803 đồng (tính đến hết ngày 05.01.2022) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ theo thỏa thuận.

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng cộng 603.536.430 đồng. Trong đó: nợ gốc: 471.426.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.086.117 đồng, nợ lãi quá hạn 37.774.690 đồng, phạt chậm trả lãi 4.142.820 đồng, nợ thẻ tín dụng 87.106.803 đồng (tính đến hết ngày 05.01.2022).

Phương thức thanh toán: Các bên thống nhất phương thức thanh toán tại giai đoạn thi hành án.

Ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 947251.19.454.4002892.TD ngày 25.10.2019 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q kể từ ngày 06.01.2022 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về nghĩa vụ phát mãi tài sản đảm bảo:

Trường hợp ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T không trả hoặc trả không đủ số tiền trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông N bà T theo Hợp đồng thế chấp số 21433.18.454.4002892.BĐ ngày 14.5.2018 để trả nợ cho Ngân hàng với tài sản thế chấp là:

./ Quyền sử dụng đất diện tích 823,3m², thửa số 1200, tờ bản đồ số 4, loại đất: đất ở và trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05222 (số seri CN283238) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 26.4.2018 cho ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - tọa lạc tại khu vực Q, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ;

./ Công trình xây dựng (bổ sung, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa) đã, đang và sẽ hình thành sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp gắn liền với tài sản thế chấp và các trang thiết bị kèm theo công trình xây dựng.

(Gửi kèm Biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 04.01.2022).

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

3. Án phí dân sự:

./ Bị đơn ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị Kim T phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật về án phí dân sự nên bị đơn phải chịu áp phí giá ngạch là: $[20.000.000 \text{ đồng} + \{4\% \times (603.536.430 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})\}] \times 50\% = 14.070.728,6 \text{ đồng}$. Xét giảm 50% án phí do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân phường K xác nhận nên bị đơn còn phải nộp: $14.070.728,6 \text{ đồng} \times 50\% = 7.035.364,3 \text{ đồng}$ (làm tròn 7.035.000 đồng).

./ Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại 13.715.000 đồng theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí số: 0004112 ngày 09.11.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 6.000.000 đồng. Do bị đơn tự nguyện chịu chi phí này nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 6.000.000 đồng.

[III]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NÓT

Thẩm phán

Nguyễn Thanh Điền